

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	So cùng kỳ (%)
1	Vốn thực hiện	triệu USD	12.350	14.500	117,4
2	Vốn đăng ký	triệu USD	20.230	22.757	112,5
2.1.	Đăng ký cấp mới	triệu USD	15.642	15.578	99,6
2.2.	Đăng ký tăng thêm	triệu USD	4.588	7.180	156,5
3	Số dự án				
3.1	Cấp mới	dự án	1.588	2.013	126,8
3.2	Tăng vốn	lượt dự án	594	814	137,0
4	Xuất khẩu				
4.1	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	triệu USD	101.180	115.132	113,8
4.2	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	triệu USD	93.956	111.326	118,5
5	Nhập khẩu	triệu USD	84.210	97.982	116,4

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành (từ 01/01/2015 đến 20/12/2015)

STT	Ngành	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	955	8927,8	517	6305,4	15.233,2
2	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	9	2795,3	8	14,0	2.809,3
3	Hoạt động kinh doanh bất động sản	34	2146,4	12	248,3	2.394,7
4	Xây dựng	112	573,6	26	162,9	736,6
5	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	306	375,2	89	166,8	542,0
6	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18	160,0	14	107,5	267,5
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	209	228,8	54	21,3	250,1
8	Vận tải kho bãi	51	67,2	18	73,6	140,8
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	59	97,2	9	25,0	122,2

10	Thông tin và truyền thông	164	65,5	40	30,8	96,3
11	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	25	57,3	6	-5,5	51,8
12	Hoạt động dịch vụ khác	15	27,7	5	10,4	38,0
13	Giáo dục và đào tạo	39	28,8	9	0,4	29,2
14	Cấp nước và xử lý chất thải	3	2,2	3	15,4	17,6
15	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	10	11,3	2	2,0	13,3
16	Khai khoáng	2	10,4			10,4
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1	2,5	1	0,4	2,9
18	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm			1	1,1	1,1
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	1	0,3			0,3
Tổng số		2.013	15577,6	814	7179,7	22,757

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hình thức (Tính từ 01/01/2015 đến 20/12/2015)

STT	Hình thức đầu tư	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	100% vốn nước ngoài	1742	10274.34	726	6729.4	17,003.7
2	Liên doanh	255	2508.88	87	449.0	2,957.9
3	Đầu tư theo BOT, BT, BTO	3	2772.36			2,772.4
4	Hợp đồng hợp tác KD	13	22.02	1	1.3	23.3
Tổng số		2.013	15577,6	814	7179,7	22,757

Một số dự án FDI lớn nhất đầu tư vào Việt Nam (từ ngày 01/01/2015 đến 20/12/2015)

STT	Tên dự án	Đối tác	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)
1.	Công ty Samsung Display Việt Nam	Hàn Quốc	Bắc Ninh	3.000
2.	Nhà máy điện Duyên Hải 2	Malaysia	Trà Vinh	2.400

3.	Công ty TNHH liên doanh thành phố Đế Vương	Anh	HCM	1.200
4.	Nhà máy SX giấy công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper	Đài Loan	Bình Dương	1.000
5	Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai	Thổ Nhĩ Kỳ	Đồng Nai	660

**05 quốc gia có vốn đầu tư dẫn đầu tại Việt Nam
(từ ngày 01/01/2015 đến 20/12/2015)**

STT	Đối tác	Số dự án cấp mới	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	Hàn Quốc	702	260	6.726,9
2	Malaysia	27	15	2.478,2
3	Nhật Bản	299	157	1.841,7
4	Đài Loan	110	61	1.398,2
5	Samoa	24	8	1.394,6

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài